

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN GIỒNG TRÔM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH BẾN TRE

Bản án số: 179/2023/DS-ST

Ngày: 22-12-2023

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngoan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Đức Tâm

Ông Trần Thái Sơn

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Thu Trúc – Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Vào ngày 22 tháng 12 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 353/2023/TLST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 355/2023/QĐXX-ST ngày 20 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Kim H, sinh năm 1975.

Địa chỉ: số 147, ấp G, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Mộng A, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

(Tại Tòa bà H, bà A vắng mặt, bà H có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn xin giải quyết vắng mặt, cùng các văn bản, tài liệu cung cấp cho Tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim H trình bày:

Vào ngày 25/11/2022, bà có cho bà A vay số tiền 58.000.000 đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận là 3%/tháng. Khi vay tiền bà A có viết giấy biên nhận, giấy không ghi thời hạn trả nợ nhưng hai bên thỏa thuận khi nào cần tiền thì bà H sẽ đòi lại. Đến ngày 19/12/2022, bà H cho bà A vay thêm 2.000.000 đồng. Sau khi vay, bà A không trả tiền lãi và cũng không trả tiền gốc cho bà H mặc dù bà H đã nhiều lần liên hệ để đòi tiền.

Vì vậy, bà H khởi kiện yêu cầu bà A trả số tiền gốc còn nợ là 60.000.000

đồng và yêu cầu tính lãi kể từ ngày 20/12/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 22/12/2023 tính tròn 12 tháng với lãi suất 1.66%/tháng.

Bị đơn bà A đã được tổng đạt hợp lệ nhưng bà đều vắng mặt không lý do trong các buổi hòa giải, công khai chứng cứ và tại phiên tòa. Bà A cũng không gửi văn bản ý kiến gì liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà H khởi kiện yêu cầu bà A trả số tiền vay và lãi còn nợ nên xác định đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn cư trú tại xã Tân Hòa, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn bà H có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn bà A đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa nên căn cứ quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung vụ án: Bà H khởi kiện yêu cầu bà A trả 60.000.000 đồng và lãi chậm trả theo lãi suất 1.66%/tháng kể từ ngày 20/12/2022 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Hội đồng xét xử xét thấy, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện bà H là bản chính biên nhận thể hiện nội dung: “Tôi Nguyễn Thị Mộng A có mượn Nguyễn Thị Kim H số tiền 58.000.000đ (Năm mươi tám) đồng ngày 25 tháng 11 năm 2022.

Có mượn thêm 2.000.000đ (hai triệu đồng) ngày 19/12/2022”.

Cuối biên nhận có chữ ký và ghi họ tên Nguyễn Thị Mộng A.

Hai bên thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng, tuy nhiên bà A không đóng lãi cho bà H như thỏa thuận.

Như vậy tổng số tiền gốc bà A đã vay của bà H là 60.000.000 đồng. Bà H đã nhiều lần liên hệ đòi nhưng bà A không trả. Vì vậy việc bà H yêu cầu bà A trả số tiền gốc 60.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Bà H cho rằng khi vay các bên thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, tương ứng 36%/năm là vượt với lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Bà H xác định chưa nhận tiền lãi từ bà A, tại Tòa bà chỉ yêu cầu tính lãi theo lãi suất 1.66%/tháng, tương ứng với 20%/năm kể từ ngày 20/12/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Hội đồng xét xử xét thấy đây là hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 469 Bộ luật dân sự. Vì vậy việc bà H yêu cầu bà A yêu cầu tính lãi từ ngày 20/12/2022 cho đến ngày xét xử sơ thẩm là có cơ sở chấp nhận.

Lãi của số tiền 60.000.000 đồng theo lãi suất được tính 1.66%/tháng, được tính từ ngày 20/12/2022 đến ngày 22/12/2023 được tính tròn 12 tháng như sau: $60.000.000 \text{ đồng} \times 1.66\% \times 12 \text{ tháng} = 11.952.000 \text{ đồng}$.

Như vậy tổng lãi và gốc bà A có nghĩa vụ trả cho bà H là 71.952.000 đồng.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà H được chấp nhận nên án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà A phải nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội là $71.952.000 \text{ đồng} \times 5\% = 3.597.600$ (ba triệu, năm trăm chín mươi bảy nghìn, sáu trăm) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463 và 466 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kim H. Buộc Nguyễn Thị Mộng A có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Kim H số tiền 71.952.000 (bảy mươi một triệu, chín trăm năm mươi hai nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà Nguyễn Thị Mộng A có trách nhiệm nộp là 3.597.600 (ba triệu, năm trăm chín mươi bảy nghìn, sáu trăm) đồng. Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm hoàn lại cho bà Nguyễn Kim H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.724.000 (một triệu, bảy trăm hai mươi bốn nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006296 ngày 12/10/2023.

[3] Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Thị Ngoan